TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 08-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Vĩnh Mậu

2. Ông Đỗ Nhật Tân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Hồng Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2024/TLST- HS, ngày 26 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 212/2024/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 1491/2024/HSST- QĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

01. Phạm Ngọc H, sinh năm 1982 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 02, khu phố 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1958; vợ là Nguyễn Thị Thanh N (đã ly hôn), có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/10/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt ngày 29/4/2002; ngày 14/4/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 tháng về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt ngày 14/4/2016. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ttừ ngày 20/6/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

02. Phạm Thị Hồng S, sinh năm 1985 tại thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 3, khu vực 2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Buôn bán phế liệu; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình Tân, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Xuân, sinh năm 1959; chồng là Huỳnh Thanh Sang, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Hồng S:* Luật sư Lê Đình Phong- Công ty Luật TNHH Thuận Cường, chi nhánh Quy Nhơn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bùi Quang L, sinh năm 1974; nơi cư trú khu phố V2, thị trấn Diêu Trì, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Hồ Xuân Kính, sinh năm 1997; nơi cư trú tổ 2, khu phố V1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1944, nơi cư trú khu phố V2, thị trấn Diêu Trì, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn xin vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1997; nơi cư trú tổ 2, khu phố V1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 2003, nơi cư trú thôn V1, xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định,vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Ph2, sinh năm 1977, nơi cư trú thôn V1, xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định,vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1980, nơi cư trú thôn Q, xã Ph3, huyện T, tỉnh Bình Định,vắng mặt.

4. Anh Phạm Quốc , sinh năm 1985, nơi cư trú khu phố V1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định,vắng mặt.

5. Ông Lê Quý Nh, sinh năm 1950, nơi cư trú thôn C2, xã Ph3, huyện T, tỉnh Bình Định,vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có nghề nghiệp và thiếu tiền tiêu xài nên bị cáo Phạm Ngọc H nảy sinh ý định đi dạo trên các tuyến đường thuộc địa bàn thị trấn,

huyện T, tỉnh Bình Định tìm người dân sơ hở trong việc quản lý xe mô tô để trộm cắp mang về bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 07/01/2024, bị cáo H đi dạo trên đường bê tông liên xóm thuộc khu phố V2, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến trước nhà bà Trần Thị N, bị cáo H phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda (Dream II), loại C100, màu Nâu, biển số 77F4-3518 của bà N cho con trai là Bùi Quang L mượn sử dụng dựng trên vỉa hè, trên xe còn gắn chìa khóa nhưng không có người trông coi nên bị cáo H lén lút đi đến mở khóa, nổ máy và điều khiển xe chạy về thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển chiếc xe mô tô biển số 77F4-3518 trộm cắp được đến cơ sở mua bán phế liệu của Phạm Thị Hồng S ở Tổ 3, khu vực 2, phường T4, thành phố Q để bán. Đến nơi, H xuống xe, tắt máy và dắt bộ vào trong tiệm gặp bị cáo S. Tại đây, bị cáo H nói với bị cáo S là "cho tui bán cái xe" thì S hỏi H "xe này của ai mà bán", H nói "xe này của tui dùng để đi làm, xe này dùng lâu quá rồi giờ hư nặng không có tiền sửa nên bán". Lúc này, S bảo H mang xe lên để cân khối lượng sắt thì H nói "xe hư rồi cân làm gì nữa, mua giá bao nhiêu thì tui bán" nên S nói mua với giá 650.000đồng không kiểm tra tình trạng giấy tờ xe. H nói "sao mua rẻ dữ, có trả thêm được nữa không", S nói "nay giá sắt phế liệu có 7000 đồng/kg nên mua giá đó, chứ mua hơn nữa thì mua không được". Nghe vậy, H đồng ý bán xe cho S với giá 650.000đồng. Số tiền bán xe có được H đã tiêu xài hết.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/01/2024, H tiếp tục đi bộ trên các tuyến đường ở thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định tìm xe mô tô không có người trông coi để trộm cắp. Khi đi đến đoạn ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 1A và đường Nguyễn Diêu, H thấy bên hông tiệm sửa xe Honda "Việt" của ông Phạm Quốc ở khu phố V1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định có để 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 77H9-8962, nhãn hiệu SWEAR, màu Đỏ - Đen (xe của bà Nguyễn Thị Ngọc Lđưa cho chồng là Hồ Xuân K sử dụng, ông K nhờ ông Việt trông coi để đi công việc), trên xe còn gắn chìa khóa xe. Quan sát thấy không có người trông coi, H đi đến mở khóa, nổ máy và điều khiển xe chạy về thành phố Q, tỉnh Bình Định. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, H điều khiển chiếc xe mô tô biển số 77H9-8962 trộm cắp được tiếp tục đến cơ sở mua bán phế liệu của S để bán. Khi đến gần cơ sở phế liệu thì H xuống xe tắt máy, dắt bộ vào trong gặp S. Tại đây, S hỏi "xe này ở đâu" thì H nói "xe này của tui, xe bi hư nhiều chỗ, giờ không đạp được nữa, sửa hết nhiều tiền nên bán". S kiểm tra thấy xe đã cũ, chân đạp để nổ máy xe bị cong vênh, trên có chìa khóa xe nên trả giá mua xe là 600.000đồng không kiểm tra tình trạng giấy tờ xe. H nói "xe này sao mua rẻ vậy bà" thì S nói "giá sắt nay rẻ, anh đồng ý bán thì em mua, không thì thôi". Nghe vậy, H đồng ý bán xe cho S với giá 600.000. Số tiền bán xe có được H đã tiêu xài hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 26/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tkết luận thì tại thời điểm bị xâm phạm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại C100, màu sơn Nâu, biển số 77F4-3518, số máy C100ME-0129519, số khung C100N-0129519 mua và sử dụng từ tháng 3/2000 trị giá 5.000.000đồng (Năm triệu đồng); chiếc xe mô tô nhãn hiệu SWEAR, loại C110, màu sơn Đỏ Đen, biển số 77H9-8962, số máy VUMNTYG150FMH5X103124, số khung RNTWCH5UM61103124 mua và sử dụng từ tháng 4/2007 trị giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tđã tạm giữ và xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 77F4-3518 cho chủ sở hữu là bà Trần Thị N; trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SWEAR, biển số 77H9-8962 cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Về dân sự: Ông Bùi Quang L và ông Hồ Xuân K không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 94/CT-VKS-TP ngày 22 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Phạm Thị Hồng S về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Phạm Thị Hồng S về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng S từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị Tòa không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Tòa không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đề nghị buộc bị cáo Phạm Ngọc H phải nộp 1.250.000đ tiền thu lợi bất chính vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không tự bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

*Luận cứ của luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Hồng S:

-Về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Thị Hồng S thì hoàn toàn thống nhất với đại diện Viện Kiểm sát.

- Về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cao S từ 06 đến 09 tháng là quá cao chưa phù hợp với mức độ phạm tội của bị cáo S, vì khi bị cáo H mang xe đến bán, bị cáo đã hỏi rõ xe của ai, nhưng bị cáo không kiểm tra giấy tờ, khi mua xong bị cáo vẫn còn giữ nguyên xe trả lại cho Công an thị trấn Diêu Trì, nên hậu quả thiệt hại chưa xảy ra. Trong khi bị cáo S do lỗi chủ quan, sơ suất khi mua xe lẽ ra phải biết rõ chủ sỡ hữu. Ngoài ra bị cáo S có nhân thân tốt, người lao động lương thiện, hơn nữa bị cáo S phạm tôi thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội vẫn có khả năng giáo dục bị cáo. Mong Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo S.

Trong lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tvà Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Ngọc H và bị cáo Phạm Thị Hồng S tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai nhân chứng, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để xác định vào ngày 07/01/2024, tại khu phố Vân Hội 2, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định, bị cáo Phạm Ngọc H có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại C100, màu sơn nâu, biển số 77F4-3518 của ông Bùi Quang L đang dựng trên vỉa hè trước nhà; Sau đó vào ngày 08/01/2024, tại khu phố V1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định, bị cáo Phạm Ngọc H tiếp tục có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu SWEAR, loại C110, màu sơn Đỏ Đen, biển số 77H9-8962 của ông Hồ Xuân K đang quản lý, sử dụng. Sau khi trộm được 02 xe mô tô bị cáo Phạm Ngọc H đã đem bán cho bị cáo Phạm Thị Hồng S vào hai ngày liên tiếp là ngày 07 và 08 tháng 01 năm 2024 với giá xe Hon da là 650.000đ và xe SWEAR là 600.000đ rồi tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

[3] 1. Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Ngọc H là người có đầy đủ khả năng nhận thức được việc xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, tuy nhiên với bản tính lười lao động và xem thường pháp luật, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút để trộm hai chiếc xe mô tô nói trên bán lấy tiền tiêu xài. Theo kết luận định giá tài sản tại thời điểm bị xâm phạm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại C100, màu sơn Nâu, biển số 77F4-3518, mua và sử dụng từ tháng 3/2000 có giá trị là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); chiếc xe mô tô nhãn hiệu SWEAR, loại C110, màu sơn Đỏ Đen, biển số 77H9-8962, mua và sử dụng từ tháng 4/2007 có giá trị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó hành vi trộm hai chiếc xe trên của bị cáo Phạm Ngọc H đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] 2. Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Thị Hồng S tuy không hứa hẹn trước là sẽ mua tài sản trộm cắp, nhưng bị cáo là người có đầy đủ sức khỏe và khả năng nhận thức được pháp luật quy định khi chuyển quyền sở hữu xe mô tô phải có giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu xe và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhưng khi bị cáo Phạm Ngọc H mang 02 chiếc xe mô tô đến bán, bị cáo không kiểm tra tình trạng giấy tờ của xe để xác định chủ sở hữu của xe mô tô mà vẫn thực hiện việc mua 02 chiếc xe mô tô này vào hai ngày liên tiếp là ngày 07 và ngày 08 tháng 01 năm 2024 với giá thấp hơn nhiều so với giá trị thực tế của xe. Việc bị cáo làm nghề mua bán phế liệu, nhưng khi bị cáo Phạm Ngọc H mang xe đến bán là xe mô tô nguyên chiếc chứ không tháo rời để bán phế liệu nên buộc bị cáo S phải tìm hiểu rõ 02 chiếc xe mô tô có nguồn gốc từ đâu và do ai đứng tên sở hữu, trong khi đó Phạm Ngọc H đem đến bán 02 chiếc xe là tài sản do bị cáo H phạm tội mà có, vì hám lợi nên bị cáo S đã đồng ý mua hai chiếc xe mô tô trên. Do đó hành vi của bị cáo Phạm Thị Hồng S đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, theo qui định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nhân thân xấu đã hai lần bị kết án nhưng không biết tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục phạm tội, trong hai ngày 07, 08 tháng 01 năm 2024 bị cáo đã liên tiếp thực hiện 02 vụ trộm vào ban ngày, điều này thể hiện bị cáo là người khó giáo dục, xem thường pháp luật do đó cần thiết phải xử

phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Bị cáo Phạm Thị Hồng S phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nhân thấn tốt nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tđã thu hồi tài sản trả lại cho chủ sở hữu. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Phạm Ngọc H đã thu lợi bất chính số tiền 1.250.000đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nên buộc bị cáo H phải nộp số tiền trên vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự còn quy định hình phạt bằng tiền, nhưng xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Ngọc H và bị cáo Phạm Thị Hồng S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Xét những chứng cứ mà kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ các điểm b, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, các Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội "*Trộm cắp tài sản".* Bị cáo Phạm Thị Hồng S phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng S phải nộp 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo S phải nộp toàn bộ số tiền trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

5. Buộc bị cáo Phạm Ngọc H phải nộp tiền thu lợi bất chính là 1.250.000đồng(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Ngọc H và bị cáo Phạm Thị Hồng S mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/01/2025). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy